

## **BẢN CÔNG BỐ**

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành  
trong đào tạo khối ngành sức khỏe**  
*(cập nhật, điều chỉnh bổ sung)*

Kính gửi: Sở Y tế thành phố Đà Nẵng

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện Phổi Đà Nẵng

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 0542/SYT-GPHĐ, do Sở Y tế thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29 tháng 8 năm 2025

Địa chỉ: 215 đường Nguyễn Đình Tú, phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Bs CKII Phạm Văn Tú

Điện thoại liên hệ: 0236.3767625

Email: [benhvienphoi@danang.gov.vn](mailto:benhvienphoi@danang.gov.vn)

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Bệnh viện Phổi Đà Nẵng đã được Sở Y tế công nhận là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng được yêu cầu đào tạo thực hành trong khối ngành sức khỏe theo công văn 3715/SYT-TCCB ngày 09/12/2019. Trong quá trình thực hiện đơn vị có một số nội dung thay đổi, do đó Bệnh viện Phổi kính thông báo, cập nhật và điều chỉnh bản công bố Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe theo các nội dung sau đây:

1. Các ngành/ chuyên ngành đào tạo thực hành
  - Y khoa (Bác sỹ đa khoa)
  - Kỹ thuật Xét nghiệm y học
  - Điều dưỡng

2. Trình độ đào tạo thực hành

- Đại học

3. Số lượng người được đào tạo tối đa (bao gồm tất cả các trình độ):

Tối đa 140 học viên tại cùng một thời điểm

4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: **đính kèm Phụ lục I**

5. Danh sách các khoa, phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa, phòng: **đính kèm Phụ lục II**

6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành: **đính kèm Phụ lục III**

(Đính kèm bản công bố: Nội dung chương trình đào tạo thực hành, CCHN, văn bằng chuyên môn, Chứng chỉ phương pháp dạy – học lâm sàng của người giảng dạy thực hành)

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố

Bệnh viện Phổi Đà Nẵng kính đề nghị Sở Y tế xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTH.

**GIÁM ĐỐC**



**Phạm Văn Tú**

**PHỤ LỤC I**  
**THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**  
**(Tại 1 thời điểm)**

*(Đính kèm Công văn số 294 /BVP-KHTH ngày 03 /03 /2026 của Bệnh viện Phổi Đà Nẵng)*

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm	Ghi chú số lượng học viên tối đa
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	7720101	Đại học	Y khoa	Thực tập lâm sàng lao	Thực hành khám và chữa bệnh lao	Hồi sức cấp cứu	2	20	25	75	0	20	20
						Nội I	2	20	35	105	0	20	20
						Nội II	1	10	30	90	0	10	10
						Nội III	1	10	30	90	0	10	10
						Nội IV	1	10	10	30	0	10	10
2	7720601	Đại học	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Thực tập kỹ thuật Xét nghiệm III	Thực hành xét nghiệm Huyết học, Hóa sinh, Vi sinh, Ký sinh trùng	Xét nghiệm	2	20	-	-	0	20	20
3	7720301	Đại học	Điều dưỡng đa khoa	Thực hành lâm sàng điều dưỡng cơ sở	Chăm sóc người bệnh lao	Hồi sức cấp cứu	2	20	25	75	0	20	20
						Nội I	1	10	35	105	0	10	10
						Nội II	1	10	30	90	0	10	10
						Nội III	1	10	30	90	0	10	10
<b>Tổng cộng</b>							<b>14</b>	<b>140</b>	<b>250</b>	<b>750</b>	<b>0</b>	<b>140</b>	<b>140</b>

**PHỤ LỤC II**  
**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**  
*(Đính kèm Công văn số 29/ABVP-KHTH ngày 03 /03 /2026 của Bệnh viện Phổi Đà Nẵng)*

**1. Đại học/ Y khoa**

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Phạm Văn Tú	Bác sỹ CKII	Nội khoa, Lão khoa	003552/ĐNA-CCHN Cấp ngày 20/3/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội	11	Thực tập lâm sàng Lao	Thực hành khám và chữa bệnh lao	Khoa Hồi sức cấp cứu	25
2	Hồ Thị Thuyên	Bác sỹ CKI	Hồi sức cấp cứu	003003/ĐNA-CCHN; 738/QĐ-SYT Cấp ngày 31/3/2020	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; bổ sung thêm chuyên khoa hồi sức cấp cứu	5	Thực tập lâm sàng Lao	Thực hành khám và chữa bệnh lao	Khoa Hồi sức cấp cứu	25
3	Lê Ngọc Quy	Bác sỹ CKI	Nội khoa	0005217/GL-CCHN Cấp ngày 18/11/2019	Khám bệnh, chữa bệnh thuộc hệ nội khoa	6	Thực tập lâm sàng Lao	Thực hành khám và chữa bệnh lao	Khoa Nội I	35
4	Nguyễn Quốc Huy	Bác sỹ CKI	Nội khoa – Tim mạch;	002397/ĐNA-CCHN Cấp ngày	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội; khám bệnh	12	Thực tập lâm sàng Lao	Thực hành khám và chữa bệnh	Khoa Nội II	30

			Siêu âm tim	04/12/2013	chữa bệnh chuyên khoa siêu âm tim và bệnh lý tim mạch			lao		
5	Nguyễn Thị Thùy Dương	Bác sỹ CKI	Nội khoa	003045/ĐNA-CCHN Cấp ngày 21/1/2014	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội	11	Thực tập lâm sàng Lao	Thực hành khám và chữa bệnh lao	Khoa Nội III	30
6	Đặng Thanh Nguyên	Bác sỹ CKI	Nội khoa	002195/ĐNA-CCHN Cấp ngày 24/10/2013	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội	12	Thực tập lâm sàng Lao	Thực hành khám và chữa bệnh lao	Khoa Nội IV	10

## 2. Đại học/ Xét nghiệm

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Hoàng Thị Ngọc	Ths Xét nghiệm	Kỹ thuật viên	0005081/ĐNA-CCHN Cấp ngày 30/3/2015	Thực hiện chuyên môn kỹ thuật về xét nghiệm	10	Thực tập kỹ thuật Xét nghiệm	Thực hành các xét nghiệm Huyết học, Hóa sinh, Vi sinh, Ký sinh trùng và Giải phẫu bệnh.	Khoa xét nghiệm	
2	Ngô Thanh Sang	CKI Xét nghiệm	Xét nghiệm Y học	008871/ĐNA-CCHN Cấp ngày 30/6/2020	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	5				

### 3. Đại học/ Điều dưỡng

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Thái Thị Thanh Hường	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng	002870/ĐNA-CCHN Cấp ngày: 27/12/2013	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch viên chức điều dưỡng	12	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	Chăm sóc sức khỏe người bệnh lao	Khoa Hồi sức cấp cứu	25
2	Nguyễn Trương Văn Võ Lâm Tuấn	Ths Điều dưỡng	Điều dưỡng	006531/ĐNA-CCHN Cấp ngày: 28/01/2017	Theo Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	8	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	Chăm sóc sức khỏe người bệnh lao	Khoa Nội I	35

3	Võ Thị Thanh Thúy	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng	002171/ĐNA-CCHN Cấp ngày 24/10/2013	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch viên chức điều dưỡng	12	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	Chăm sóc sức khỏe người bệnh lao	Khoa Hồi sức cấp cứu	25
4	Vũ Thị Thanh Tâm	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng	002172/ĐNA-CCHN Cấp ngày: 24/10/2013	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch viên chức điều dưỡng	12	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	Chăm sóc sức khỏe người bệnh lao	Khoa Nội I	35
5	Nguyễn Thị Loan	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng	002580/ĐNA-CCHN Cấp ngày: 12/12/2013	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch viên chức điều dưỡng	12	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	Chăm sóc sức khỏe người bệnh lao	Nội II	30
6	Nguyễn Thị Cẩm Vân	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng	002178/ĐNA-CCHN Cấp ngày: 24/10/2013	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch viên chức điều dưỡng	12	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	Chăm sóc sức khỏe người bệnh lao	Nội III	30

**PHỤ LỤC III**  
**DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**  
(Đính kèm Công văn số 294BVP-KHTH ngày 03 /03/2026 của Bệnh viện Phổi Đà Nẵng)

**1. (Đại học/Y khoa)**

<b>STT</b>	<b>Tên trang thiết bị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Hội trường, phòng họp/ giảng dạy + Bàn ghế	3	Sức chứa 170 người
2	Máy chiếu	2	Trong hội trường
3	Dàn âm loa	1	Trong hội trường
4	Hệ thống Internet	1	Toàn viện
6	Phòng giao ban tại các khoa/ phòng	5	
7	Phòng trực cho giảng viên và học viên	5	
8	Bộ đo Huyết áp	15	
9	Ống nghe	22	
10	Đèn đọc phim XQuang	7	
11	Máy điện tim	3	
12	Monitor	21	
13	Hộp chống sốc	21	

## 2. Đại học/Xét nghiệm y học

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Hội trường, phòng họp/ giảng dạy + Bàn ghế	1	Sức chứa 170 người
2	Máy chiếu	1	Trong hội trường
3	Dàn âm loa	1	Trong hội trường
4	Hệ thống Internet	1	Toàn viện
5	Bảng trắng	1	
6	Phòng giao ban tại khoa	1	
7	Phòng trực cho giảng viên và học viên	1	
8	Máy huyết học M20M (Medonic)	1	
9	Hệ thống máy phân tích khí máu, điện giải đồ GEM Premier 3000 Mỹ	1	
10	Hệ thống sinh hóa - miễn dịch tự động	2	
11	Máy Gene Xpert	4	
12	Máy nuôi cấy lỏng MGIT 960	1	
13	Máy xét nghiệm nước tiểu 13 thông số	1	
14	Máy nhân gene	2	
15	Máy Truelab	1	
16	Máy đo chức năng đông máu	1	
17	Tủ âm sâu	2	
18	Tủ âm	2	
19	Tủ an toàn sinh học	6	
20	Máy hấp đông	1	
21	Máy khuấy từ	1	
22	Tủ sấy khô	1	
23	Kính hiển vi	4	
24	Máy ly tâm	8	

25	Máy lắc Vortex - Genius 3	4	
26	Máy lai TWIN CUBATOR	1	
27	Máy REALTIME-PCR	2	
28	Máy định danh và làm kháng sinh đồ vi khuẩn, vi nấm tự động	1	
29	Máy ủ nhiệt	1	
30	Máy Truelab	1	
31	Máy Trueprep	1	
32	Nồi hấp tiệt trùng ( TOMY)	2	
33	Máy sấy lam Electrotherma	1	
34	Máy đo tốc độ lắng máu (VSS ) ThermaNE	1	

### 3. Đại học / Điều dưỡng

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Hội trường, phòng họp/ giảng dạy + Bàn ghế	1	Sức chứa 170 người
2	Máy chiếu	1	Trong hội trường
3	Dàn âm loa	1	Trong hội trường
4	Hệ thống Internet	1	Toàn viện
5	Bảng trắng	1	
6	Phòng giao ban tại các khoa/phòng	5	
7	Phòng trực cho giảng viên và học viên	5	
8	Máy đo huyết áp	15	
9	Ống nghe	21	
10	Máy hút áp lực âm	5	
11	Máy điện tim	3	
12	Máy siêu âm màu	1	
13	Máy đo đường máu	9	
14	Máy đo SpO2	12	
15	Máy khí dung	10	
16	Máy hút dịch/đờm	5	
17	Ambu bóp bóng	10	
18	Cân bệnh nhân	8	
19	Nhiệt kế thủy ngân	9	
20	Nhiệt kế điện tử	8	
21	Bộ dụng cụ thay băng (7 y cụ)	27	
22	Bộ dụng cụ tiêm truyền	21	
23	Bộ thông tiêu	10	
24	Bộ chăm sóc răng miệng	7	

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

## NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

Ngành: Y khoa

Trình độ: Đại học. Mã ngành: 7720101

### I. TÊN HỌC PHẦN, ĐỊA ĐIỂM VÀ ĐỐI TƯỢNG THỰC TẬP

- Tên học phần:** Lao - 01 tín chỉ (45 tiết)
- Đơn vị thực tập:** Các khoa lâm sàng - Bệnh viện Phổi Đà Nẵng.
- Đối tượng thực tập:** Đại học Y khoa năm thứ năm.

### II. MỤC TIÊU THỰC TẬP

- Vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tế lâm sàng để thực hành thăm khám, phát hiện triệu chứng, chẩn đoán, điều trị các thể bệnh lao thông thường, xử trí các cấp cứu trong bệnh lao. Phân tích hình ảnh X-quang phổi, kết quả sinh học, tế bào của dịch màng phổi và một xét nghiệm vi trùng học của bệnh lao.
- Tư vấn cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân cách phòng bệnh, biết cách tự phòng bệnh cho bản thân và cho mọi người xung quanh.
- Tìm hiểu và tham gia vào các hoạt động của chương trình chống lao quốc gia

### III. CHỈ TIÊU THỰC TẬP

- Thực tập, thực hành thăm khám, phát hiện triệu chứng, chỉ định cận lâm sàng và đọc, vận dụng các kết quả cận lâm sàng, chẩn đoán, đề xuất phác đồ điều trị, theo dõi diễn tiến bệnh, tư vấn phòng bệnh cho các mặt bệnh lao:

Stt	Nội dung	Chỉ tiêu (số lần thực hiện)
1	Lao sơ nhiễm	Ít nhất 1 lần cho 1 bệnh lý
2	Lao phổi	
3	Lao kê	
4	Lao màng não	
5	Lao màng phổi	
6	Lao hạch	
7	Lao cột sống	
8	Đọc Xquang phổi, phát hiện bất thường nghi lao	Tối thiểu 5 phim Xquang
9	Tham gia trực bệnh viện và làm bệnh án đêm trực theo yêu cầu của cơ sở thực tập và nhà trường	
10	Làm bệnh án yêu cầu	Ít nhất 1 tuần 01 bệnh án

- Khám, phát hiện triệu chứng các trường hợp cấp cứu trong bệnh lao như ho ra máu và tràn khí màng phổi. Kiến tập, thực tập hướng xử trí cấp cứu.
- Tìm hiểu chương trình phòng chống lao quốc gia.

#### IV. ĐÁNH GIÁ THỰC TẬP

1. Điểm kết thúc học phần được đánh giá như sau:

<b>Stt</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số điểm</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Chuyên cần: đảm bảo thời gian, nếu vắng phải bù	1.0	
2	Ý thức tuân thủ nội quy khoa, phòng	1.0	
3	Kỹ năng giao tiếp	1.0	
4	Thái độ phục vụ người bệnh	1.0	
5	Đạt chỉ tiêu kỹ năng tay nghề (sổ tay lâm sàng)	1.0	
6	Thi vấn đáp	2.0	
7	Làm bệnh án	3.0	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>10</b>	

2. Điểm học phần do các giảng viên hướng dẫn thực hành đánh giá

3. Thang điểm đánh giá là thang điểm 10: Làm tròn đến một chỉ số thập phân



Stt	Nội dung thực hành	Nơi thực tập
14	Cho người bệnh thở khí dung	
15	Đo điện tim	
16	Thụt tháo	
17	Thông tiểu thường nam/nữ	
18	Thông tiểu giữ lại nam/nữ	
19	Súc rửa bàng quang	
20	Truyền máu	
21	Thăm khám thể chất	
22	Phụ bác sĩ khám bệnh	
23	Trải giường có bệnh	
24	Trải giường đón bệnh	
25	Chăm sóc vệ sinh răng miệng	
26	Tiếp nhận người bệnh vào viện, chuyển viện, ra viện	
27	Vận chuyển người bệnh từ giường qua xe và ngược lại	
28	Tập vận động tại giường cho người bệnh nằm lâu	
29	Chuẩn bị người bệnh siêu âm	
30	Chuẩn bị người bệnh chụp phim các loại	

## V. ĐÁNH GIÁ

### 1. Đánh giá theo chuẩn năng lực điều dưỡng

#### 1.1. Chuẩn năng lực “hiểu biết đầy đủ về sức khỏe người bệnh”

Yêu cầu sinh viên trình bệnh:

- Giới thiệu đầy đủ phần hành chính của bệnh án người bệnh
- Trình bày tóm tắt thông tin cần thiết
- Mô tả đúng dấu hiệu sức khỏe của người bệnh

#### 1.2. Chuẩn năng lực “xác định sức khỏe ưu tiên để chăm sóc”

Yêu cầu sinh viên trình bệnh:

- Xác định người bệnh có mấy vấn đề sức khỏe?
- Nêu đúng vấn đề sức khỏe nào cần chăm sóc ngày hôm nay

#### 1.3. Chuẩn năng lực “ra quyết định chăm sóc đúng”

Yêu cầu sinh viên trình bệnh:

- Trình bày các can thiệp điều dưỡng cho từng vấn đề chăm sóc từng ngày
- Lý giải tại sao phải dùng biện pháp can thiệp điều dưỡng đó?

#### 1.4. Chuẩn năng lực “sử dụng quy trình điều dưỡng để lập kế hoạch chăm sóc”

Yêu cầu sinh viên báo cáo kế hoạch chăm sóc hàng ngày:

- Nhận định đầy đủ
- Chẩn đoán điều dưỡng đúng theo từng nhận định
- Lập kế hoạch đúng mục tiêu chăm sóc
- Thực hiện kế hoạch hợp lý, an toàn cho người bệnh
- Lượng giá đúng

#### 1.5. Chuẩn năng lực “làm việc nhóm”

Yêu cầu sinh viên làm việc nhóm với điều dưỡng khoa phòng, với các sinh viên khác kết hợp trong việc chăm sóc người bệnh.

#### 1.6. Chuẩn năng lực “tiến hành kỹ thuật chăm sóc đủ các bước”

Yêu cầu sinh viên thực hiện đúng các bước trong quy trình điều dưỡng

### **1.7. Chuẩn năng lực “tạo an toàn cho người bệnh”**

Yêu cầu sinh viên:

- Thông báo cho người bệnh các biện pháp đảm bảo an toàn trong khi nằm viện
- Hướng dẫn và kiểm tra sự an toàn khi làm thủ thuật cho người bệnh

### **1.8. Chuẩn năng lực “lập mối quan hệ với người bệnh”**

Yêu cầu sinh viên giao tiếp với người bệnh

- Thể hiện giao tiếp bằng lời và giao tiếp không lời
- Thể hiện cử chỉ, lời nói nét mặt tỏ vẻ thân thiện với người bệnh
- Tuân thủ đúng quy định về quan hệ giao tiếp ứng xử của CBYT đối với người bệnh, người nhà

### **1.9. Chuẩn năng lực “giao tiếp có hiệu quả với người bệnh”**

Yêu cầu sinh viên hướng dẫn người bệnh khi làm thủ thuật:

- Sinh viên thể hiện sự hiểu biết về tâm lý của người bệnh khi làm thủ thuật
- Sinh viên giải thích mà người bệnh hiểu được về mục đích làm thủ thuật
- Sinh viên tư vấn mà người bệnh đồng ý hợp tác khi làm thủ thuật

### **1.10. Chuẩn năng lực “giáo dục sức khỏe cho người bệnh”**

Yêu cầu sinh viên khi lập kế hoạch chăm sóc:

- Sinh viên có chuẩn bị các phương tiện để giáo dục sức khỏe cho người bệnh của mình
- Sinh viên giáo dục sức khỏe đủ các nội dung cần thiết mà người bệnh có thể hiểu và thực hiện được.

## **2. Điểm kết thúc học phần**

Điểm kết thúc học phần là tổng hợp các điểm: Chuyên cần; Ý thức thực hiện nội quy khoa phòng; Kỹ năng giao tiếp; Thái độ phục vụ người bệnh; Có sổ tay lâm sàng ghi chép các kỹ thuật đầy đủ; Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh, theo bảng điểm sau:

<b>Stt</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số điểm</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Chuyên cần: đảm bảo thời gian, nếu vắng phải bù	1.0	
2	Ý thức tuân thủ nội quy khoa, phòng	1.0	
3	Kỹ năng giao tiếp	1.0	
4	Thái độ phục vụ người bệnh	1.0	
5	Có sổ tay ghi chép lâm sàng	1.0	
6	Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh	5.0	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>10</b>	

- Điểm học phần do các giảng viên hướng dẫn thực hành và đội ngũ điều dưỡng ở khoa phòng đánh giá.

- Thang điểm đánh giá là thang điểm 10: Làm tròn đến phần nguyên.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

## **NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH**

**Ngành: Kỹ thuật Xét nghiệm y học**

**Trình độ: Đại học. Mã ngành: 7720601**

### **I. ĐỊA ĐIỂM VÀ ĐỐI TƯỢNG**

**1. Địa điểm thực tập:** Khoa cận lâm sàng – Bệnh viện Phổi Đà Nẵng

**2. Đối tượng:** Sinh viên Đại học Kỹ thuật Xét nghiệm y học năm 3

### **II. MỤC TIÊU**

- Mục tiêu 1: Mô tả chức năng, nhiệm vụ, hoạt động của Khoa Xét nghiệm (Huyết học, sinh hóa, Vi sinh, Giải phẫu bệnh) và chức của Cử nhân Xét nghiệm tại cơ sở thực tập.
- Mục tiêu 2: Thực hiện kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân người nhà bệnh nhân và với các nhân viên y tế
- Mục tiêu 3: Rèn luyện kỹ năng tay nghề, thực hiện đúng các quy trình Kỹ thuật Xét nghiệm

### **III. CHỈ TIÊU THỰC TẬP**

#### **1. Chỉ tiêu cho mục tiêu 1**

Sinh viên có bản mô tả chức năng, nhiệm vụ, hoạt động của Khoa Xét nghiệm thuộc cơ sở y tế mà sinh viên đang thực tập và chức năng của Cử nhân Xét nghiệm tại cơ sở thực tập

#### **2. Chỉ tiêu cho mục tiêu 2**

Sinh viên có kỹ năng giao tiếp tốt với người bệnh, người nhà người bệnh và nhân viên y tế:

- Thể hiện qua cử chỉ, lời nói, nét mặt thân thiện trong giao tiếp. Tạo được ấn tượng tốt với người bệnh, người nhà người bệnh và nhân viên y tế.
- Có thể tư vấn, giải thích, động viên người bệnh trước khi tiến hành lấy mẫu bệnh phẩm/kỹ thuật xét nghiệm để người bệnh tin tưởng, yên tâm và hợp tác tốt.

#### **3. Chỉ tiêu cho mục tiêu 3**

##### **3.1. Nội dung chung**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Chỉ tiêu (Số lần)</b>
1	Thực hiện quy trình tiếp đón người bệnh, quy trình trả kết quả xét nghiệm và lưu trữ kết quả xét nghiệm	50
2	Lấy mẫu bệnh phẩm: - Lấy máu mao mạch - Lấy máu tĩnh mạch - Các loại bệnh phẩm khác: phân, nước tiểu, đờm, mủ, da, móng, tóc....	20 100 30
3	Quy trình tách mẫu bệnh phẩm, bảo quản, vận chuyển mẫu bệnh phẩm	100
4	Pha một số hóa chất và nhận biết các hóa chất được sử dụng trong các khoa xét nghiệm	

### 3.2. Nội dung chuyên ngành

#### a. Học phần Huyết học

STT	NỘI DUNG	CHỈ TIÊU (Số lần)
1	Làm công thức máu	30
2	Làm tiêu bản máu ngoại vi	20
3	Lập công thức bạch cầu trên lam	20
4	Đo tốc độ máu lắng	10
5	Đếm số lượng hồng cầu lưới	5
6	Thời gian máu chảy, máu đông	5
7	Thời gian prothrombin, APTT, Howell	15
8	Kỹ thuật định nhóm máu hệ ABO, Rh	20
9	Xét nghiệm chứng nghiệm phù hợp	10
10	Nghiệm pháp Coombs	3
11	Tham gia buổi thu gom máu	2
12	Xét nghiệm sàng lọc các bệnh lây truyền qua đường máu (test nhanh/ELISA...)	5
13	Xét nghiệm máu chẩn đoán KST sốt rét (lấy mẫu máu, làm tiêu bản giọt đặc, giọt dãn nhuộm Giemsa tìm KTSR)	2-4

#### b. Học phần Hóa học

STT	NỘI DUNG	CHỈ TIÊU (Số lần)
1	Định lượng Glucose trong máu	10
2	Định lượng Glucose niệu	10
3	Định lượng Protein trong huyết thanh	10
4	Định lượng Protein trong nước tiểu	10
5	Định lượng Cholesterol trong huyết thanh	10
6	Định lượng HDL-C trong huyết thanh	5
7	Định lượng LDL-C trong huyết thanh	5
8	Định lượng Fibrinogen trong huyết thanh	5
9	Định lượng Ure trong huyết thanh	10
10	Định lượng Bilirubin (toàn phần, trực tiếp, gián tiếp) trong huyết thanh	10
11	Định lượng Triglycerid trong huyết thanh	10
12	Đo hoạt độ GOT, GPT trong huyết thanh	10
13	Định lượng Creatinin trong huyết thanh và nước tiểu	10
14	Xét nghiệm 10 thông số nước tiểu	10
15	Phản ứng pandy, phản ứng Rivalta	0-5

#### c. Học phần Vi sinh – Ký sinh

STT	NỘI DUNG	CHỈ TIÊU (Số lần)
1	Kỹ thuật xét nghiệm AFB nhuộm soi trực tiếp phương pháp Ziehl-Neelsen	10
2	Kỹ thuật xét nghiệm AFB nhuộm soi trực tiếp phương pháp nhuộm huỳnh quang	10
3	MTB định danh và kháng RMP Xpert	10
4	Nuôi cấy vi khuẩn lao trên môi trường lỏng	10
5	Nuôi cấy vi khuẩn lao trên môi trường đặc	10
6	MTB kháng thuốc hàng 1 môi trường lỏng	10
7	Phản ứng Mantoux	10

<b>STT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>CHỈ TIÊU (Số lần)</b>
8	Vi khuẩn nhuộm soi	10
9	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	10

#### **IV. ĐÁNH GIÁ THỰC TẬP**

##### **1. Điểm kết thúc học phần thực tập tính theo bảng điểm sau:**

	<b>Thực hiện nội quy bệnh viện, khoa phòng</b>	<b>Đạt mục tiêu 1</b>	<b>Đạt mục tiêu 2</b>	<b>Đạt mục tiêu 3</b>	<b>Có sổ tay TTBV, ghi chép đầy đủ</b>	<b>Tổng</b>
<b>Tỷ lệ</b>	20%	10%	10%	50%	10%	100%

##### **2. Điểm học phần thực tập do khoa/phòng nơi sinh viên đến thực tập chấm điểm**

##### **3. Thang điểm đánh giá là thang điểm 10: làm tròn một chữ số thập phân**